

KHẢO SÁT NHU CẦU CHĂM SÓC CỦA NGƯỜI BỆNH SAU PHẪU THUẬT THẨM MỸ TẠI ĐƠN VỊ PHẪU THUẬT TRONG NGÀY BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Trần Thị Hồng Thơm¹, Hồ Tất Bằng^{1,2}, Đinh Thanh Long²,
Lê Quỳnh Như², Lê Thị Thanh Xuân², Vũ Thị Thanh Xuân²,
Nguyễn Thị Ngọc Bích², Phan Tôn Ngọc Vũ²*

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu khảo sát nhu cầu chăm sóc của người bệnh sau phẫu thuật thẩm mỹ tại Đơn vị Phẫu thuật Trong Ngày, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

Phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 70 người bệnh từ 11/2024 đến 01/2025, chọn mẫu thuận tiện. Dữ liệu thu thập qua phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi đánh giá nhu cầu chăm sóc và trích xuất từ hồ sơ bệnh án. Bảng câu hỏi gồm các mục về đặc điểm dân số - kinh tế - xã hội, bệnh lý và nhu cầu chăm sóc. Phân tích số liệu thực hiện bằng Stata 14.0.

Kết quả: Độ tuổi trung vị người bệnh là 31 (25-36), nữ giới (94,3%). Nhu cầu chăm sóc y tế (97,1%) và xã hội (98,6%) cao nhất, trong đó 84,3% mong muốn giảm đau, 95,7% quan tâm phòng ngừa nhiễm trùng, sử dụng thuốc. Nhu cầu chăm sóc tinh thần và thể chất thấp, chỉ 5,7% cần hỗ trợ vệ sinh cá nhân.

Kết luận: Người bệnh sau phẫu thuật thẩm mỹ có nhu cầu chăm sóc y tế và xã hội cao, đặc biệt là kiểm soát đau, phòng ngừa nhiễm trùng và hướng dẫn dùng thuốc.

Từ khóa: Nhu cầu chăm sóc, Phẫu thuật thẩm mỹ, Hồi phục sau phẫu thuật

¹Đại học Y Dược TP. HCM

²Bệnh viện Đại học Y Dược TP. HCM

Người phản hồi: Phan Tôn Ngọc Vũ, Email: vu.ptn@umc.edu.vn

Ngày nhận bài: 26/02/2025

Ngày phản biện: 10/3/2025

**A SURVEY OF POSTOPERATIVE CARE NEEDS IN PATIENTS
UNDERGOING COSMETIC SURGERY AT THE DAY SURGERY UNIT,
UNIVERSITY MEDICAL CENTER HO CHI MINH CITY**

ABSTRACT

Objective: This study aimed to survey postoperative care needs in patients undergoing aesthetic surgery at the Day Surgery Unit, University Medical Center Ho Chi Minh City

Methods: A descriptive cross-sectional study was conducted on 70 patients from November 2024 to January 2025 using convenience sampling. Data were collected through direct interviews using a questionnaire assessing care needs and extracted from medical records. The questionnaire included sections on demographic, socioeconomic, and clinical characteristics, as well as postoperative care needs. Data analysis was performed using Stata 14.0.

Results: The median patient age was 31 (25–36), 94.3% female. Medical (97.1%) and social (98.6%) care needs were highest, including pain relief (84.3%), infection prevention, and medication use (95.7%). Psychological and physical care needs were lower, with only 5.7% requiring personal hygiene support.

Conclusion: Patients after cosmetic surgery had high medical and social care needs, especially pain control, infection prevention, and medication guidance.

Keyword: Postoperative care needs, Cosmetic surgery, Surgical recovery.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phẫu thuật thẩm mỹ ngày càng phổ biến trên thế giới, giúp nâng cao nhan sắc và sự tự tin. Theo Hiệp hội Phẫu thuật Thẩm mỹ Quốc tế (ISAPS), năm 2022 có hơn 14,9 triệu ca phẫu thuật, tăng 11,2% so với năm trước [7]. Đặc biệt ở Việt Nam – một quốc gia trẻ với nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ, nhu cầu làm đẹp cũng đang gia tăng rõ rệt, mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển của ngành thẩm mỹ [6]. Hầu hết nghiên cứu hiện nay tập trung vào kỹ thuật phẫu thuật, biến chứng hậu phẫu và yếu tố

quyết định lựa chọn dịch vụ, trong khi nhu cầu chăm sóc sau mổ chưa được quan tâm đầy đủ.

Phẫu thuật trong ngày đang trở thành xu hướng, giúp giảm thời gian nằm viện và tối ưu nguồn lực y tế. Tuy nhiên, người bệnh phẫu thuật thẩm mỹ xuất viện sớm có thể gặp khó khăn trong kiểm soát đau, phòng ngừa nhiễm trùng, sử dụng thuốc và hỗ trợ tinh thần. Việc hiểu rõ nhu cầu chăm sóc hậu phẫu không chỉ nâng cao chất lượng điều trị mà còn giúp thiết lập quy trình chăm sóc tối ưu, hỗ trợ phục hồi

tốt hơn. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát nhu cầu chăm sóc hậu phẫu của người bệnh tại Đơn vị Phẫu thuật Trong Ngày, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả sẽ cung cấp dữ liệu thực tiễn giúp các cơ sở y tế điều chỉnh và nâng cao chất lượng chăm sóc, cải thiện kết quả điều trị và sự hài lòng của người bệnh.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế và đối tượng nghiên cứu:

Nghiên cứu cắt ngang mô tả được thực hiện trên 70 người bệnh phẫu thuật thẩm mỹ tại Đơn vị Phẫu thuật Trong Ngày, Khoa Gây mê – Hồi sức, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, từ tháng 11/2024 đến tháng 01/2025. Cỡ mẫu tính theo công thức ước lượng một tỷ lệ, với xác suất sai lầm loại 1 là 0,05 và sai số biên 0,08, $p=0,869$ là tỷ lệ nhu cầu chăm sóc về y tế tham khảo từ nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Mai tại Bệnh viện K năm 2021 [2]. **Tiêu chí chọn vào:** (1) từ 18 tuổi trở lên, (2) được chỉ định phẫu thuật thẩm mỹ tại Đơn vị Phẫu thuật Trong Ngày, (3) đồng ý tham gia nghiên cứu. **Tiêu chí loại ra:** (1) gặp khó khăn trong giao tiếp, không hiểu tiếng Việt; (2) suy yếu, không đủ sức khỏe để trả lời phỏng vấn; (3) không hoàn thành 100% bộ câu hỏi.

Phương pháp và công cụ thu thập dữ liệu: Các đặc điểm dân số – kinh tế - xã hội và các nhu cầu chăm sóc của

người bệnh sau phẫu thuật sẽ được phỏng vấn người bệnh bằng bộ câu hỏi. Đặc điểm bệnh lý sẽ được thu thập qua hồ sơ bệnh án. Dữ liệu được thu thập qua phỏng vấn người bệnh bằng bộ câu hỏi và tra cứu hồ sơ bệnh án. Bộ câu hỏi dựa trên nghiên cứu của Đặng Duy Quang (2014) về nhu cầu chăm sóc sau phẫu thuật tại Bệnh viện Trung ương Huế, gồm 11 câu hỏi về đặc tính mẫu, 4 câu về bệnh lý và 23 câu về nhu cầu chăm sóc. Các nhu cầu được chia thành bốn nhóm: y tế, thể chất, tinh thần và xã hội. Mỗi câu hỏi trả lời Có tương đương 1 điểm và Không là 0 điểm. Tổng điểm nhu cầu được phân thành hai mức: cao ($\geq 1/2$ số điểm tối đa) và thấp ($< 1/2$ số điểm tối đa) [4]. Trước khi thực hiện nghiên cứu, chúng tôi đã thực hiện nghiên cứu thử trên 30 người bệnh, ghi nhận chỉ số Cronbach' Alpha là 0,89.

Phương pháp phân tích thống kê: Nghiên cứu sử dụng phần mềm Stata 14.0 thực hiện thống kê mô tả dưới dạng tần số và tỷ lệ phần trăm đối với các biến định tính. Trung bình và độ lệch chuẩn đối với các biến định lượng có phân phối bình thường, trung vị và khoảng tứ phân vị đối với biến định lượng có phân phối không bình thường.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu này đã phê duyệt bởi Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học cơ sở Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh số 138/GCN-HĐĐĐ ký ngày 18/10/2024.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm dân số - kinh tế - xã hội của đối tượng (n=70)

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ %
Tuổi: Trung vị (Khoảng tứ phân vị)		31 (25-36)	
Nhóm tuổi	< 60 tuổi	68	97,1
	≥ 60 tuổi	2	2,9
Giới tính	Nam	4	5,7
	Nữ	66	94,3
Dân tộc	Kinh	70	100,0
Tôn giáo	Không	53	75,7
	Phật giáo	10	14,3
	Thiên Chúa giáo	7	10,0
	Trung học cơ sở	4	5,7
	Trung học phổ thông	17	24,3
	Trên trung học phổ thông	49	70,0
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	36	51,4
	Có vợ/chồng	33	47,2
	Ly hôn/Ly thân	1	1,4
Nghề nghiệp	Cán bộ viên chức, nhân viên văn phòng	30	42,9
	Kinh doanh, buôn bán	15	21,4
	Công nhân	3	4,3
	Hưu trí	1	1,4
	Nội trợ	10	14,3
	Nghề khác	11	15,7
Nơi cư trú	Thành phố Hồ Chí Minh	35	50,0
	Nơi khác	35	50,0
Kinh tế	Đủ sống	68	97,1
	Khá giả	2	2,9
Diện chi trả	BHYT	1	1,4
	Tự chi trả	69	98,6

CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tuổi trung vị 31 (25-36), trong đó nữ chiếm 94,3%. Nhóm dưới 60 tuổi chiếm 97,1%, 70,0% có trình độ trên trung học phổ thông. Tình trạng kinh tế hầu hết là đủ sống. Phần lớn (98,6%) tự chi trả chi phí điều trị.

Bảng 2. Đặc điểm bệnh lý của đối tượng (n=70)

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ %
Bệnh mạn kèm theo	Có	3	4,3
	Không	67	95,7
	Tăng huyết áp	2	66,7
	Hen	1	33,3
Phương pháp vô cảm	Gây tê vùng	50	71,4
	Gây mê mặt nạ thanh quản/nội khí quản	20	28,6
Thời gian phẫu thuật: Trung vị (Khoảng tứ phân vị)		58,5 (30-82)	
Phân loại vết mổ sau phẫu thuật	Vết đâm kim	1	1,4
	Vết mổ nội soi	6	8,6
	Vết mổ hở	63	90,0

Hầu hết người bệnh phẫu thuật thẩm mỹ không có bệnh mạn tính. Phương pháp vô cảm gồm gây tê vùng (71,4%) và gây mê mặt nạ thanh quản/nội khí quản (28,6%). Thời gian phẫu thuật trung vị 58,5 phút, vết mổ hở chiếm 90,0%.

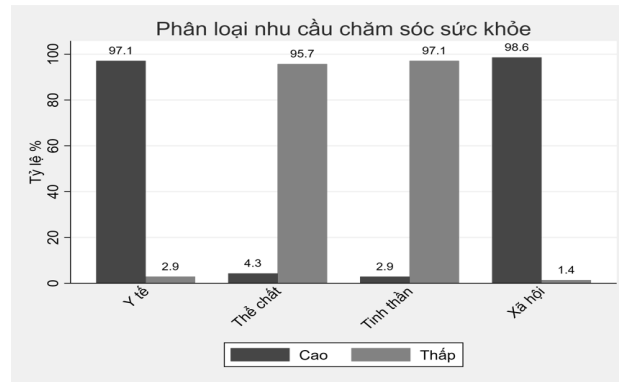
Bảng 3. Nhu cầu chăm sóc của người bệnh sau phẫu thuật (n=70)

Nhu cầu	Tần số	Tỷ lệ %
Nhu cầu chăm sóc về y tế		
Muốn biết về tình hình bệnh tật	9	12,9
Muốn được chăm sóc giảm đau sau phẫu thuật	59	84,3
Muốn nhân viên y tế hỗ trợ cách phòng ngừa nhiễm trùng	67	95,7
Muốn nhân viên y tế hỗ trợ cách sử dụng thuốc	67	95,7
Nhu cầu chăm sóc về thể chất		
Hỗ trợ về vệ sinh cá nhân	4	5,7
Hỗ trợ về tư thế, vận động, tập luyện	7	10,0
Hỗ trợ trong việc tiểu tiện, đại tiện	2	2,9

Nhu cầu	Tần số	Tỷ lệ %
Hỗ trợ mặc và thay quần áo	5	7,1
Biết chế độ nghỉ ngơi phù hợp với bệnh	4	5,7
Biết chế độ ăn phù hợp với bệnh	62	88,6
Hướng dẫn tự chăm sóc, theo dõi và phòng bệnh	9	12,9
Nhu cầu chăm sóc về tinh thần		
Khỏi lo lắng sau khi phẫu thuật	49	70,0
Khỏi lo lắng trước khi tiến hành các thủ thuật	50	71,4
Hỗ trợ các hoạt động vui chơi giải trí	1	1,4
Hỗ trợ giữ bí mật về bệnh tật, vấn đề riêng tư	3	4,3
Hỗ trợ kiến thức về bệnh cho bản thân	1	1,4
Hỗ trợ biết chi phí điều trị hằng ngày	1	1,4
Hỗ trợ có giấc ngủ ngon khi nằm viện	3	4,3
Nhu cầu chăm sóc về xã hội		
Hỗ trợ viện phí	1	1,4
Muốn được tôn trọng	69	98,6
Muốn được đối xử công bằng	69	98,6
Muốn được an toàn khi nằm viện	69	98,6
Muốn được bày tỏ quan điểm bản thân	2	2,9

Bảng 3 cho thấy nhu cầu chăm sóc y tế cao, với 84,3% mong muốn giảm đau, 95,7% cần hướng dẫn phòng ngừa nhiễm trùng và sử dụng thuốc. Về thể chất, 88,6% quan tâm đến chế độ ăn phù hợp. Nhu cầu tinh thần cũng đáng

chú ý, với 71,4% cần hỗ trợ giảm lo lắng trước phẫu thuật và 70,0% sau phẫu thuật. Nhu cầu xã hội rất cao (98,6%), chủ yếu về quyền được tôn trọng, đối xử công bằng và đảm bảo an toàn khi nằm viện.



Biểu đồ 1. Phân loại các nhu cầu chăm sóc sức khỏe (n=70)

Ở biểu đồ 1 người bệnh có nhu cầu cao về chăm sóc y tế và chăm sóc xã hội (97,1% và 98,6%). Tỷ lệ người bệnh có nhu cầu cao về chăm sóc thể chất và tinh thần là (4,3% và 2,9%).

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu cho thấy nhóm tuổi dưới 60 tuổi chiếm tỷ lệ cao (97,1%), đặc biệt là độ tuổi 25 đến 36 tuổi và các ca phẫu thuật đa số là nữ chiếm tỷ lệ (94,3%). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Hồ Nguyễn Anh Tuấn vào năm 2023 và nghiên cứu của Phan Minh Nhựt vào năm 2024 [3],[6]. Lý do bởi các đối tượng người trưởng thành và trung niên có đủ điều kiện kinh tế cho các chi trả về phẫu thuật thẩm mỹ. Ở nữ có nhu cầu đến bệnh viện để nhằm cải thiện nhan sắc giúp họ tự tin hơn và gỡ gở đối tác. Trong nghiên cứu của chúng tôi, 70% trình độ học vấn của người bệnh chủ yếu ở mức cao là trên trung học phổ thông, nghề nghiệp cũng là cán bộ viên chức/nhân viên văn phòng chiếm tỷ lệ cao 42,9% và kinh doanh, buôn bán chiếm 21,4%. Phần lớn là độc thân và đã kết hôn. Các đặc điểm xã hội này đều

phù hợp với độ tuổi và xu hướng chung về phẫu thuật thẩm mỹ ở Việt Nam.

Ở bảng 2 cho thấy đặc điểm bệnh lý của người bệnh có phương pháp vô cảm phần lớn là gây tê vùng (71,4%) và gây mê mặt nạ thanh quản/nội khí quản (28,6%). Hầu hết là vết mổ hở (90,0%). Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Mỹ Anh năm 2025 về đánh giá chất lượng phục hồi ở người bệnh sau phẫu thuật trong ngày có 83,3% vết thương sau mổ là vết thương hở [1]. Lý do kết quả của chúng tôi có sự chênh lệch về tỷ lệ vì đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là người phẫu thuật thẩm mỹ, một lĩnh vực của phẫu thuật trong ngày.

Kết quả nghiên cứu ở bảng 3 và biểu đồ 1 cho thấy nhu cầu chăm sóc về y tế của người bệnh cao, muốn chăm sóc giảm đau là 84,3%, muốn biết cách phòng ngừa nhiễm trùng là 95,7%, muốn biết cách sử dụng thuốc là 95,7%. Như vậy, nhu

cầu chăm sóc về y tế trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Mai (86,9%) [2]. Vì đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là phẫu thuật thẩm mỹ và được xuất viện trong ngày nên người bệnh rất quan tâm đến việc phòng ngừa nhiễm trùng và cách sử dụng thuốc. Nhu cầu chăm sóc về thể chất cho kết quả người bệnh quan tâm đến biết chế độ ăn phù hợp với bệnh. Những nhu cầu thể chất còn lại cho kết quả thấp như cần hỗ trợ vệ sinh cá nhân (5,7%). Nhu cầu chăm sóc về tinh thần của người bệnh có nhu cầu cao có kết quả thấp (2,9%).

Nghiên cứu của tác giả Barbara Pieper năm 2006 cho rằng những mối quan tâm phổ biến nhất của người bệnh là vết mổ, chăm sóc vết thương, quản lý đau [8]. Nhìn chung, trong nghiên cứu này, nhu cầu chăm sóc thể chất và tinh thần thấp hơn so với nghiên cứu của Đặng Duy Quang (nhu cầu chăm sóc về thể chất 43,8% và tinh thần 47,6%) [4]. Điều này có thể do người bệnh trong nghiên cứu chủ yếu là người trẻ, khỏe mạnh, có khả năng tự chăm sóc. Hơn nữa, phẫu thuật thẩm mỹ tại Đơn vị Phẫu thuật Trong Ngày thường xâm lấn tối thiểu, thời gian phục hồi nhanh, nên ít cần hỗ trợ về thể chất. Người bệnh được xuất viện về trong ngày nên hầu hết người bệnh vào viện không có nhu cầu cao trong việc hỗ trợ vệ sinh cá nhân, hỗ trợ trong

việc tiêu tiêu, mặc thay quần áo, hỗ trợ các tư thế, vận động và tập luyện, người bệnh cũng không có nhu cầu cao trong các hoạt động vui chơi giải trí. Hơn nữa, người bệnh đã chuẩn bị tâm lý trước phẫu thuật, và đây không phải là can thiệp lớn gây căng thẳng nghiêm trọng. Nhu cầu chăm sóc về xã hội của người bệnh cao 98,6%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thùy (76,3%) [5]. Có sự khác biệt này vì nghiên cứu của chúng tôi tiến hành tại khoa Gây mê – Hồi sức, người bệnh sẽ chịu đau và lo lắng nhiều hơn, do đó nhu cầu của người bệnh cao hơn.

Nghiên cứu có điểm hạn chế là chỉ thực hiện tại một trung tâm, cỡ mẫu nhỏ và thời gian theo dõi ngắn, chưa đánh giá nhu cầu chăm sóc dài hạn tại nhà. Điều này cần được bổ sung trong các nghiên cứu tiếp theo.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã khảo sát nhu cầu chăm sóc của người bệnh sau phẫu thuật thẩm mỹ tại Đơn vị Phẫu thuật Trong Ngày, Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM. Kết quả cho thấy nhu cầu chăm sóc y tế và xã hội cao, đặc biệt là kiểm soát đau, phòng ngừa nhiễm trùng, hướng dẫn dùng thuốc, đảm bảo quyền được tôn trọng và an toàn khi điều trị. Trong khi đó, nhu cầu chăm sóc thể chất và tinh thần ở mức thấp hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Mỹ Anh, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Lê Thị Thanh Xuân và cộng sự (2025) “Kết quả bước đầu ứng dụng công cụ QoR-15 trong đánh giá chất lượng phục hồi ở người bệnh sau phẫu thuật trong ngày”. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 546 (3)
2. Nguyễn Thị Thanh Mai (2022) “Khảo sát nhu cầu chăm sóc của người bệnh sau phẫu thuật tại khối Ngoại Bệnh viện K”. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 509 (2)
3. Phan Minh Nhựt, Nguyễn Diệp Minh Ái, Nguyễn Đức Huệ (2024) “Khảo sát nhu cầu lựa chọn các dịch vụ thẩm mỹ và một số yếu tố ảnh hưởng của dịch vụ thẩm mỹ đối với khách hàng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”. *Tạp chí Y học Cộng đồng*, 65 (CD8)
4. Đặng Duy Quang, Phan Cảnh Chương, Lê Thị Hằng và cộng sự (2014) *Nghiên cứu nhu cầu chăm sóc của người bệnh sau phẫu thuật tại Bệnh viện Trung ương Huế*, Tài liệu Hội nghị Khoa học Quốc tế Điều dưỡng 2014,
5. Nguyễn Thị Thùy (2023) “Nhu cầu chăm sóc của người bệnh sau phẫu thuật kết hợp xương cẳng chân tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định năm 2021”. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*, 6 (03), 109-116.
6. Hồ Nguyễn Anh Tuấn, Trần Đăng Khoa, Phạm Đăng Diệu và cộng sự (2023) Tỷ lệ các loại phẫu thuật thẩm mỹ và một số yếu tố liên quan đến quyết định phẫu thuật của bệnh nhân: một nghiên cứu từ Việt Nam. *Tạp chí Y Dược học Phạm Ngọc Thạch*.
7. “Global Survey 2022: Full Report and Press Releases”.
8. B. Pieper, M. Sieggreen, B. Freeland và cộng sự (2006) “Discharge information needs of patients after surgery”. *J Wound Ostomy Continence Nurs*, 33 (3), 281-9; quiz 290-1.